TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 3 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN TOÁN – KHỐI 3
PHIẾU SỐ 11

Thời gian làm bài: 30 phút

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM *(Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)*

Câu 1. Số «ba trăm chín mươi hai» viết là:

A. 293 **B.** 392 **C.** 3092 **D.** 329

Câu 2. Kết quả của phép nhân 159 × 4 là:

A. 626 **B.** 646 **C.** 636 **D.** 628

Câu 3. Giảm 14 đi 2 lần được:

A. 28 **B.** 12 **C.** 8 **D.** 7

Câu 4. Phần đã tô màu của hình bên là một phần mấy của hình đó?



A. 1/6 **B.** 1/9 **C.** 1/8 **D.** 1/5

Câu 5. Số thích hợp điền vào chỗ chấm: 3 l = …… ml

A. 3000 **B.** 30 **C.** 300 **D.** 30000

Câu 6. Hình tròn có bán kính 15 mm. Đường kính của hình tròn đó là:

A. 30 mm **B.** 15 mm **C.** 17 mm **D.** 60 mm

PHẦN 2. TỰ LUẬN *(Học sinh trình bày lời giải)*

Bài 1. Tính giá trị của biểu thức:

a) 229 + 88 × 8 = ……

b) 143 − 28 : 4 = ……

c) (91 + 52) × 5 = ……

Bài 2. Tìm số thích hợp điền vào chỗ chấm:

a) …… × 9 = 72

b) …… : 6 = 13

c) …… + 412 = 748

d) 30 : …… = 5

Bài 3. Điền dấu >, <, = vào chỗ chấm:

a) 6 × 6 …… 33

b) 1 dm …… 11 cm

c) 3 m 5 cm …… 395 cm

d) 1/5 của 40 …… 1/6 của 42

Bài 4. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 2, 4, ……, 8, 10, ……

b) 418, 428, ……, ……, 458, 468

Bài 5. Tính:

a) 373 g + 286 g = …… g

b) 591 ml − 439 ml = …… ml

c) 243 mm × 3 = …… mm

d) 188 kg : 4 = …… kg

Bài 6. Một cửa hàng buổi sáng bán được 263 kg gạo, buổi chiều bán được ít hơn buổi sáng 59 kg. Hỏi cả ngày cửa hàng bán được bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

a) Buổi chiều bán được: …… kg

b) Cả ngày bán được: …… kg

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Toán lớp 3 · Phiếu số 11

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	B	C	D	B	A	A

Phần 2. Tự luận

Bài 1.

a) 229 + 88 × 8 = 229 + 704 = 933

b) 143 − 28 : 4 = 143 − 7 = 136

c) (91 + 52) × 5 = 143 × 5 = 715

Bài 2.

a) 72 : 9 = 8

b) 13 × 6 = 78

c) 748 − 412 = 336

d) 30 : 5 = 6

Bài 3.

a) 6 × 6 = 36 nên điền dấu «>»

b) 1 dm = 10 cm nên điền dấu «<»

c) 3 m 5 cm = 305 cm nên điền dấu «<»

d) 1/5 của 40 là 8; 1/6 của 42 là 7 nên điền dấu «>»

Bài 4.

a) Đếm thêm 2: 2, 4, 6, 8, 10, 12

b) Mỗi số hơn số trước 10 đơn vị: 418, 428, 438, 448, 458, 468

Bài 5.

a) 659 g

b) 152 ml

c) 729 mm

d) 47 kg

Bài 6.

Buổi chiều: 263 − 59 = 204 (kg)

Cả ngày: 263 + 204 = 467 (kg)